

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HUNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HS - ST

Ngày 22/3/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Nhung.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Cự và bà Nguyễn Thị Vĩnh

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thuận Yến - Thư ký Tòa án huyện Đông Hưng tỉnh Thái Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Nguyễn Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên

Trong ngày 22 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 12/2021/TLST- HSST ngày 25 tháng 2 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXXST - HS ngày 09/3/2021 đối với:

Bị cáo: **Kiều Việt M**, sinh ngày 26/3/1987; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi sinh: Xã TML, huyện PT, Thành phố HN; Nơi cư trú: Tổ 4, thị trấn ĐH, huyện ĐH, tỉnh T B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Bố đẻ Kiêu Văn Q (đã chết); Mẹ đẻ: Nguyễn Thị H; Vợ: Hà Thị Ng; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm: 2011, con nhỏ sinh năm 2014

Nhân thân: 01. Bản án số 24/2009/HSST ngày 23/7/2009 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xử phạt M 24 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Bị cáo đã chấp hành xong bản án.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú

(Có mặt tại phiên tòa)

Bị hại:

1. Chị Trần Thị Kh, sinh năm 1985

Địa chỉ: Tổ 1, thị trấn ĐH, huyện ĐH, tỉnh T B.

(Vắng mặt)

Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Viết Tr sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn TTL, xã ĐT, huyện ĐH, tỉnh TB.

2. Chị Đỗ Thị Cẩm L, sinh năm 2000

Địa chỉ: Thôn AD, xã AM, huyện QP, tỉnh TB.

(Đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 10/10/2020, sau khi dự liên hoan tại nhà ông Nguyễn Viết C, sinh năm 1969 ở cùng Tổ 4, thị trấn ĐH, Kiều Việt M đi bộ về nhà. Khi M đi bộ đến khu vực nhà văn hóa tổ 4 thị trấn ĐH cách nhà ông C khoảng 200 mét thì thấy 01 xe mô tô Honda hiệu VISON màu xanh biển kiểm soát 17B3-2xx.43 của chị Trần Thị Kh, sinh năm 1985, trú tại tổ 1 thị trấn ĐH để ở sân nhà văn hóa Tổ 4 không có người trông coi, gần đó có 01 đám cưới tại nhà ông Phạm Công T, sinh năm 1958 ở cùng tổ. Thấy vậy M nảy sinh ý định trộm cắp, M đi bộ đến gần chiếc xe mô tô của chị Kh thấy xe chỉ khóa điện, không khóa cổ, không khóa càng. M liền dắt xe mô tô đi bộ về hướng sông TH gần cầu N mới thuộc địa phận Tổ 4, dựng xe ở bờ sông cát giấu rồi đi bộ về nhà ngủ, chờ mọi người ở đám cưới nhà ông T về hết sẽ ra lấy xe. Khoảng 3 giờ sáng ngày 11/10/2020, M dậy cầm chiếc Tô vít của M, đi bộ từ nhà ra chỗ cất xe mô tô. M dùng Tô vít tháo mặt nạ ở đầu xe mô tô, rồi đấu nối dây điện ở nguồn ắc quy với dây điện ở ổ khóa điện cho xe nổ máy, rồi điều khiển xe đi theo Quốc lộ 10 đến thành phố Hạ Long tỉnh Quảng Ninh để tìm nơi bán xe, nhưng do xe không có giấy tờ nên không bán được. Cùng ngày, M vào một quán sửa xe ở thành phố H L (M không nhớ địa chỉ cụ thể), nhờ người đàn ông khoảng 40 tuổi, Mảo không biết tên, tuổi, địa chỉ là chủ quán thay ổ khóa điện mới hết 500.000 đồng, tháo gương chiếu hậu, tháo biển kiểm soát cất vào cốp xe, rồi M xin chủ quán 01 biển kiểm soát xe mô tô cũ có sẵn tại quán, M chỉ nhớ là biển 16 còn các chữ số sau Mảo không nhớ. Sau đó M điều khiển xe mô tô đi về nhà. Khoảng 0 giờ ngày 12/10/2020, M về đến nhà, cất xe tại buồng ngủ của gia đình. Các ngày sau đó M tìm chỗ bán xe nhưng không bán được. M lo sợ để xe tại nhà lâu dễ bị phát hiện nên khoảng 0 giờ ngày 22/10/2020, M điều khiển xe đến nhà anh họ của M là anh Nguyễn Viết Tr, sinh năm 1996 ở xã ĐT để gửi xe. Đến nơi M gặp anh Tr và chị Đỗ Thị Cẩm L, sinh năm 2000 trú tại xã An D, huyện QP là bạn anh Tr đang ở đó. M nói dối anh Tr là xe M đang đi thì hết xăng, nhờ anh Tr cho M gửi xe lại, mượn xe mô tô của anh Tr về nhà, ngày mai M sẽ mang đổi lại. Anh Tr đồng ý, cho M gửi xe mô tô VISON lại và cho M mượn xe mô tô Honda Airblade biển kiểm soát 30H2-yy18 của anh Trường để M về. Đến 8 giờ sáng cùng ngày thì M nhắn tin cho Tr qua mạng xã hội Facebook là: “Có lấy xe đi thì không được đi lên khu vực thị trấn ĐH, cho em gửi xe ở đây mấy ngày”. Vì vậy, anh Tr nghi ngờ xe M gửi có nguồn gốc không rõ ràng, ngay sau đó anh Tr nhắn tin yêu cầu M đến lấy xe đã gửi và trả xe đã mượn. Đến 13 giờ cùng ngày thì M mang xe mô tô Honda Airblade biển kiểm soát

30H2-yy18 đến trả anh Tr và lấy xe mô tô M gửi rồi điều khiển xe đến nhà Lê Huy Qu, sinh năm 1981, ở phường Trường Thi thành phố Nam Định làm là bạn quen biết M từ trước. Gặp Qu, M bán xe mô tô cho Qu được 4.000.000 đồng, sau đó M thuê xe ôm của người đàn ông không quen biết từ thành phố Nam Định để về nhà. Số tiền bán xe trộm cắp M đã chi tiêu cá nhân hết. Còn chị Kh sau khi bị mất xe đã tự đi tìm nhưng không thấy, sau đó chị nghi ngờ Kiều Việt M trộm cắp xe của chị, đến ngày 15/12/2020 chị đến Công an huyện trình báo.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 04 ngày 17/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đông Hưng kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA VISION màu sơn xanh, biển kiểm soát 17B3 - 248.43, có trị giá là 19.200.000 đồng (*Mười chín triệu hai trăm nghìn đồng*),

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Kiều Việt M đã bồi thường cho chị Kh số tiền 19.200.000 đồng, chị Kh không yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa bị cáo M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình cụ thể:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 10/10/2020, tại khu vực sân nhà Văn hóa Tổ 4 thị trấn ĐH, huyện ĐH, tỉnh TB, bị cáo có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA VISION màu sơn xanh, biển kiểm soát 17B3 – 2xx.43 trị giá 19.200.000 đồng của chị Trần Thị Kh.

Căn cứ vào hành vi phạm tội của các bị cáo. Cáo trạng số 15/CT- VKSDH ngày 25/02/2021 của Viện kiểm sát Nhân dân huyện Đông Hưng đã truy tố Kiều Việt M về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; Trong phần tranh luận tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng giữ quyền công tố tại phiên tòa phân tích nguyên nhân, điều kiện phạm tội, đánh giá chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi vi phạm, hậu quả, nhân thân của bị cáo, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trên cơ sở đó giữ nguyên quan điểm truy tố theo cáo trạng số 15/CT- VKSDH ngày 25/02/2021 đồng thời đề nghị HĐXX kết tội bị cáo về tội: “Trộm cắp tài sản”; Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự; tuyên phạt bị cáo tù 01(một) năm - 01(một) năm 03(ba) tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Đồng thời đề nghị xử lý vật chứng.

Bị cáo M xác định cáo trạng truy tố bị cáo về hành vi trộm cắp tài sản là đúng pháp luật vì vậy không trình bày lời bào chữa, cũng không trình bày ý kiến tranh luận về tội danh, mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị.

Kết thúc phần tranh luận bị cáo nói lời nói sau cùng: Đã nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xin được giảm nhẹ hình phạt.

PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

[1] Các tài liệu chứng cứ do Điều tra viên, Kiểm sát viên thu thập trong quá trình điều tra vụ án thì thấy đã tuân thủ các quy định của pháp luật. Đó là các tài liệu hợp pháp chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo. Căn cứ vào các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Hưng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa đúng như lời khai nhận tội của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và hoàn toàn phù hợp với cáo trạng số 15/CT- VKSDH ngày 25/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng đã truy tố.

Lời khai nhận tội của bị cáo còn phù hợp với: Lời khai của những người làm chứng, người bị hại, cùng toàn bộ các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Do vậy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 10/10/2020, tại khu vực sân nhà Văn hóa Tổ 4 thị trấn Đông Hưng, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, bị cáo có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA VISION màu sơn xanh, biển kiểm soát 17B3 – 2xx.43 trị giá 19.200.000 đồng của chị Trần Thị Kh.

Hành vi của M đã phạm vào tội “ Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[3] Xét tích chất mức độ hậu quả hành vi vi phạm pháp luật, nhân thân của bị cáo thấy rằng:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, gây mất trật tự an ninh, an toàn xã hội. Giá trị tài sản bị cáo trộm cắp là 19.200.000 đồng nên bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Bị cáo là người có nhân không tốt, đã bị Tòa án nhân dân huyện HH kết án về cố ý gây thương tích. Tuy nhiên bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng

bản thân, không chịu làm ăn lương thiện, lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, do vậy việc đưa các bị cáo ra xét xử áp dụng cho một mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mới có tác dụng răn đe giáo dục và phòng ngừa tội phạm đồng thời mới thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả bồi thường xong cho người bị hại, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng:

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Bị cáo là lao động tự do là người không có thu nhập không ổn định. Gia đình có hoàn cảnh khó khăn, hiện bị cáo đang nuôi hai con nhỏ, do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về việc thu giữ tài liệu đồ vật, vật chứng và xử lý vật chứng:

01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA VISION màu sơn xanh, biển kiểm soát 17B3 – 2xx.43 M khai bán cho anh Lê Huy Qu, sinh năm 1981, ở phường Trường Thi, thành phố Nam Định, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại địa chỉ trên, nhưng anh Qu không có mặt tại địa phương, chưa lấy được lời khai của anh Qu, Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm Lê Huy Qu và chiếc xe mô tô nhưng chưa thu hồi được.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Chị Kh đã nhận số tiền 19.200.000 đồng trị giá chiếc xe mà M trộm cắp, không có yêu cầu bồi thường thêm nên không đặt ra giải quyết.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

[10] Về các vấn đề khác:

Đối với anh Nguyễn Viết Tr là người cho M gửi xe mô tô trộm cắp ngày 22/10/2020, nhưng anh Tr không biết là tài sản do M phạm tội mà có nên không xử lý.

Đối với Lê Huy Qu là người M khai bán xe mô tô trộm cắp, nhưng hiện nay anh Quỳnh không có mặt tại địa phương, chưa lấy được lời khai của anh Quỳnh, ngoài ra không có chứng cứ nào khác để chứng minh nên không có căn cứ để xử lý trong vụ án này, do vậy Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, xử lý sau là đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Kiều Việt M phạm tội: “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng: Khoản 1, Điều 173, Điểm b, s, khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự

Xử phạt Kiều Việt M 01(một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

2.Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí lệ phí Tòa án buộc bị cáo Kiều Việt Mảo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5.Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Người bị hại, vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo
- Người bị hại
- VKSND huyện Đông Hưng
- VKSND tỉnh Thái Bình
- Công an huyện Đông Hưng
- Chi cục THA dân sự huyện Đông Hưng
- UBND thị trấn, Đông Hưng, Thái Bình
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hà Thị Nhung

